

Quảng Bình, ngày 28 tháng 6 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM
(*Tên tiếng Anh: VIETNAMESE CIVIL PROCEDURE CODE*)
- Mã số học phần: LUTOTU.020
- Số tín chỉ: 03
Số giờ tín chỉ: 45 (*trong đó: lý thuyết: 45, bài tập: 0*)
- Ngành học: Luật
- Loại học phần: Bắt buộc
- Bộ môn phụ trách: Luật

Giảng viên phụ trách chính: ThS. Phan Thị Thu Hiền

Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: 1. ThS. Phùng Thị Loan

2. ThS. Nguyễn Hoàng Thủy

2. Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự Việt Nam 1,2

3. Mục tiêu của học phần:

+ Về kiến thức:

Môn học trang bị cho người học một cách hệ thống những kiến thức căn bản về khái niệm, nội dung của luật tố tụng dân sự Việt Nam, các bước tiến hành giải quyết các vụ án, vụ việc dân sự, các quyết định của Tòa án trong quá trình tố tụng.

+ Về kỹ năng:

Giúp người học có kỹ năng đánh giá, lý giải một cách khoa học về các vụ án dân sự và có thể áp dụng vào thực tế công việc sau này.

+ Về thái độ:

Giúp người học có thái độ đúng đắn về môn học và trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết đối với việc giải quyết các vụ án, vụ việc dân sự.

4. Chuẩn đầu ra học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
	<i>Về kiến thức</i>
CDR1	Người học hiểu được các khái niệm vụ việc dân sự, vụ án dân sự, việc dân sự; Hiểu được khái niệm tố tụng dân sự, luật tố tụng dân sự; Hiểu được khái niệm, ý nghĩa, nêu được 23 nguyên tắc và việc phân loại các nguyên tắc của luật tố tụng dân sự; Phân tích được vụ án dân sự và việc dân sự; Hiểu được đối tượng điều chỉnh của luật tố tụng dân sự với đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, luật hôn nhân gia đình, luật thương mại, luật lao động, luật tố tụng hình sự và luật tố tụng hành chính và luật khác có liên quan.
CDR2	Người học hiểu được 5 loại việc thuộc thẩm quyền dân sự của toà án và thẩm quyền của toà án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức khác; Phân tích được các vụ việc thuộc thẩm quyền của toà án cấp huyện và các loại việc thuộc thẩm quyền của toà án cấp tỉnh; Áp dụng được việc phân định thẩm quyền dân sự của toà án theo lãnh thổ và 12 trường hợp nguyên đơn, người yêu cầu có quyền lựa chọn toà án có thẩm quyền giải quyết; Hiểu được căn cứ, thẩm quyền và thủ tục chuyển vụ việc dân sự cho toà án khác giải quyết; giải quyết tranh chấp thẩm quyền giữa các toà án và việc nhập và tách vụ án dân sự; Hiểu được nguyên tắc xác định thẩm quyền, nguyên tắc giải quyết, trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự khi chưa có luật để áp dụng.
CDR3	Người học hiểu được khái niệm, vai trò cơ quan tiến hành tố tụng dân sự và 3 cơ quan tiến hành tố tụng dân sự; Hiểu được nhiệm vụ, quyền hạn của 3 cơ quan tiến hành tố tụng dân sự; Phân tích được khái niệm người tiến hành tố tụng dân sự và 8 loại người tiến hành tố tụng dân sự; Hiểu được nhiệm vụ và quyền hạn của những người tiến hành tố tụng dân sự; Phân tích được các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thay đổi người tiến hành tố tụng dân sự; hiểu được khái niệm người tham gia tố tụng dân sự và 7 người tham gia tố tụng dân sự; hiểu được khái niệm, nội dung năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự; Hiểu được quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự.
CDR4	Người học hiểu được khái niệm và ý nghĩa của chứng minh trong tố tụng dân sự; Hiểu được các chủ thể chứng minh; Hiểu được khái niệm đối tượng chứng minh; Phân tích được những tình tiết, sự kiện không cần chứng minh; Nắm được khái niệm phương tiện chứng minh và nêu được 8 loại phương tiện chứng minh; Hiểu được khái niệm, 3 thuộc tính chứng cứ.

CDR5	Người học hiểu được khái niệm và nêu được các BPKCTT; Hiểu được thẩm quyền, thủ tục áp dụng, thay đổi và huỷ bỏ BPKCTT. Phân tích được khái niệm, ý nghĩa của việc áp dụng BPKCTT; Phân tích được điều kiện áp dụng các BPKCTT; Phân tích được thẩm quyền, thủ tục áp dụng, thay đổi và huỷ bỏ BPKCTT; Phân tích được trách nhiệm do yêu cầu hoặc quyết định áp dụng BPKCTT không đúng.
CDR6	Người học hiểu được khái niệm và ý nghĩa của án phí, lệ phí và các loại án phí, lệ phí; Hiểu được các mức án phí, lệ phí và tiền tạm ứng án phí, lệ phí; Hiểu được các trường hợp miễn, giảm án phí, lệ phí; Hiểu được khái niệm về chi phí tố tụng và 5 loại chi phí tố tụng
CDR7	Người học hiểu được khái niệm và ý nghĩa của khởi kiện vụ án dân sự; Hiểu được 3 điều kiện khởi kiện vụ án dân sự; Hiểu được phạm vi khởi kiện vụ án dân sự.; Hiểu được hình thức khởi kiện và phương thức gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự; Phân tích được khái niệm và ý nghĩa của việc thụ lý vụ án dân sự; Hiểu được 4 thủ tục khi tiến hành thụ lý vụ án dân sự; Hiểu được 5 trường hợp toà án trả lại đơn khởi kiện; Hiểu được khái niệm, ý nghĩa của hoà giải vụ án dân sự; Hiểu được thành phần thủ tục, ý nghĩa của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Hiểu 2 nguyên tắc của hoà giải vụ án dân sự và phạm vi hoà giải vụ án dân sự; Hiểu được thành phần và thủ tục hoà giải vụ án dân sự; Hiểu được thời hạn chuẩn bị xét xử và các công việc chuẩn bị xét xử; Hiểu được khái niệm, đặc điểm và căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; Hiểu được khái niệm, ý nghĩa và nguyên tắc tiến hành phiên toà sơ thẩm vụ án dân sự; Hiểu được thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, những người tham gia phiên toà và các trường hợp hoãn phiên toà sơ thẩm; Hiểu được khái niệm, ý nghĩa của việc hoãn phiên tòa và tạm ngừng phiên tòa; Phân tích được 4 thủ tục tiến hành phiên toà sơ thẩm; Hiểu được những việc tiến hành sau phiên toà sơ thẩm.
CDR8	Người học hiểu được khái niệm và ý nghĩa của phúc thẩm dân sự; Hiểu được khái niệm kháng cáo, kháng nghị, người có quyền kháng cáo, kháng nghị; đối tượng kháng cáo, kháng nghị; thời hạn kháng cáo, kháng nghị; hình thức kháng cáo, kháng nghị; thông báo kháng cáo, kháng nghị và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm; hậu quả của kháng cáo, kháng nghị và việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị, rút kháng cáo, kháng nghị; Hiểu được thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm, thủ tục thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và các công việc chuẩn

	bị xét xử phúc thẩm; Hiểu được những người tham gia phiên toà phúc thẩm, các trường hợp hoãn phiên toà phúc thẩm; phạm vi xét xử phúc thẩm và các thủ tục tiến hành phiên toà phúc thẩm; Hiểu được 4 quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm; Phân tích được thủ tục phúc thẩm quyết định của toà án cấp sơ thẩm và việc gửi bản án, quyết định phúc thẩm.
CĐR9	Người học hiểu được khái niệm và ý nghĩa của thủ tục giám đốc thẩm dân sự; Hiểu được 4 chủ thể có thẩm quyền kháng nghị; đối tượng kháng nghị; 3 căn cứ để kháng nghị; hình thức kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm; thời hạn kháng nghị; thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án để xem xét kháng nghị, tạm đình chỉ thi hành án khi kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm; Hiểu được thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm; những người tham gia phiên toà giám đốc thẩm; thời hạn mở phiên toà giám đốc thẩm; các công việc chuẩn bị mở phiên toà giám đốc thẩm; phạm vi xét xử giám đốc thẩm; thủ tục tiến hành phiên toà giám đốc thẩm và 4 quyền hạn của hội đồng xét xử giám đốc thẩm.
CĐR10	Hiểu được những quy định chung về giải quyết việc dân sự; Hiểu được thủ tục xác định năng lực hành vi dân sự của cá nhân; Phân tích được thủ tục giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt, tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết; Hiểu được thủ tục yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Hiểu được thủ tục giải quyết việc dân sự liên quan đến hoạt động của trọng tài thương mại; Hiểu được thủ tục giải quyết các yêu cầu về hôn nhân và gia đình
CĐR11	Người học hiểu được thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài; Hiểu được sự tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự
CĐR12	Người học hiểu được biện pháp xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự; Hiểu được thủ tục khiếu nại và tố cáo trong tố tụng dân sự
	<i>Về kỹ năng</i>
CĐR13	Người học có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các văn bản trong lĩnh vực tố tụng dân sự để đưa ra cách giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh.
CĐR14	Người học có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời.
	<i>Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)</i>

CDR15	Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề tố tụng dân sự.
-------	---

5. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Tòa án. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lý luận về Luật Tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện tại các cơ quan tư pháp như: Khái niệm và nguyên tắc cơ bản của Luật Tố tụng dân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng...

6. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1 KHÁI NIỆM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.1.2. Đối tượng điều chỉnh luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.1.3. Phương pháp điều chỉnh luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.2. Nhiệm vụ và nguồn của luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.2.1. Nhiệm vụ luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.2.2. Nguồn của luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.3. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển của luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.3.1. Giai đoạn trước năm 1945

1.3.2. Giai đoạn từ năm 1945 đến 1989

1.3.3. Giai đoạn từ năm 1990 đến 2004

1.3.4. Giai đoạn từ năm 2005 trở đi

1.4. Khoa học luật tố tụng dân sự và hệ thống môn học

1.4.1. Khoa học luật tố tụng dân sự

1.4.2. Hệ thống kiến thức môn học luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.5. Quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

1.5.1. Khái niệm và đặc điểm của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

1.5.2. Thành phần của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự

1.6. Các nguyên tắc của luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.6.1. Khái niệm nguyên tắc của luật tố tụng dân sự Việt Nam

1.6.2. Nội dung các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự Việt Nam

CHƯƠNG 2 THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

2.1. Khái niệm thẩm quyền dân sự và ý nghĩa việc xác định thẩm quyền dân sự của tòa án

2.1.1. Khái niệm thẩm quyền dân sự của tòa án

2.1.2. Ý nghĩa việc xác định thẩm quyền dân sự của tòa án

2.2. Thẩm quyền dân sự của tòa án theo loại việc

2.2.1. Cơ sở xác định những loại việc thuộc thẩm quyền dân sự của tòa án

2.2.2. Những loại việc thuộc thẩm quyền dân sự của tòa án

2.3. Việc phân định thẩm quyền giữa các tòa án

2.3.1. Việc phân định thẩm quyền của tòa án các cấp

2.3.2. Việc phân định thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ

2.4. Chuyển vụ việc dân sự cho tòa án khác, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền, nhập và tách vụ án dân sự

2.4.1. Chuyển vụ việc dân sự cho tòa án khác

2.4.2. Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền

2.4.3. Nhận và tách vụ án dân sự

CHƯƠNG 3 CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG, NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG DÂN SỰ

3.1. Cơ quan tiến hành tố tụng dân sự

3.1.1. Khái niệm cơ quan tiến hành tố tụng

3.1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng dân sự

3.2. Người tiến hành tố tụng

3.2.1. Khái niệm người tiến hành tố tụng dân sự

3.2.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của những người tiến hành tố tụng

3.2.3. Việc thay đổi người tiến hành tố tụng

3.3. Người tham gia tố tụng dân sự

3.3.1. Khái niệm người tham gia tố tụng dân sự

3.3.2. Đương sự trong vụ việc dân sự

3.3.3. Người đại diện của đương sự

3.3.4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

3.3.5. Người làm chứng trong tố tụng dân sự

3.3.6. Người giám định trong tố tụng dân sự

3.3.7. Người phiên dịch trong tố tụng dân sự

CHƯƠNG 4 CHỨNG MINH VÀ CHỨNG CỨ TRONG TỐ TỤNG DÂN SỰ

4.1. Chứng minh trong tố tụng dân sự

4.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của chứng minh trong tố tụng dân sự

4.1.2. Chủ thể chứng minh và nghĩa vụ chứng minh trong tố tụng dân sự

4.1.3. Đối tượng chứng minh trong vụ việc dân sự

4.1.4. Những tình tiết, sự kiện không cần chứng minh

4.1.5. Phương tiện chứng minh trong tố tụng dân sự

4.1.6. Các hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự

4.2. Chứng cứ trong tố tụng dân sự

4.2.1. Khái niệm và thuộc tính của chứng cứ

4.2.2. Phân loại chứng cứ

4.2.3. Nguồn chứng cứ

4.2.4. Bảo quản chứng cứ

4.2.5. Bảo vệ chứng cứ

CHƯƠNG 5 BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI; CẤP, TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN TỐ TỤNG; THỜI HẠN TỐ TỤNG, THỜI HIỆU KHỞI KIẾN VÀ THỜI HIỆU YÊU CẦU

5.1. Biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.1.2. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.1.3. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.1.4. Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm

5.1.5. Thẩm quyền, thủ tục áp dụng, thay đổi và hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.1.6. Hiệu lực của quyết định áp dụng, thay đổi và hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.1.7. Khiếu nại, kiến nghị quyết định áp dụng, thay đổi và hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời

5.2. Cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng

- 5.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng
- 5.2.2. Các văn bản tổ tụng phải được cấp, tổng đạt và thông báo
- 5.2.3. Thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tổ tụng
- 5.2.4. Thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng
- 5.3. Thời hạn tổ tụng dân sự, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu
 - 5.3.1. Thời hạn tổ tụng dân sự
 - 5.3.2. Thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự

CHƯƠNG 6 ÁN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CHI PHÍ TỔ TỤNG

- 6.1. Án phí và lệ phí
 - 6.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và các loại án phí, lệ phí
 - 6.1.2. Mức thu án phí, lệ phí
 - 6.1.3. Tiền tạm ứng án phí, lệ phí
 - 6.1.4. Nghĩa vụ nộp án phí, lệ phí sơ thẩm và phúc thẩm
 - 6.1.5. Miễn, giảm án phí, lệ phí
- 6.2. Chi phí tổ tụng
 - 6.2.1. Chi phí giám định
 - 6.2.2. Chi phí định giá tài sản
 - 6.2.3. Chi phí làm chứng
 - 6.2.4. Chi phí phiên dịch
 - 6.2.5. Chi phí luật sư

CHƯƠNG 7 THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ TẠI TÒA ÁN CẤP SƠ THẨM

- 7.1. Khởi kiện vụ án dân sự
 - 7.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của khởi kiện vụ án dân sự
 - 7.1.2. Điều kiện khởi kiện vụ án dân sự
 - 7.1.3. Phạm vi khởi kiện vụ án dân sự
 - 7.1.4. Hình thức khởi kiện và việc gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự
- 7.2. Thụ lý vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự
 - 7.2.1. Thụ lý vụ án dân sự
 - 7.2.2. Trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự
- 7.3. Chuẩn bị xét xử, hòa giải, tạm đình chỉ và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

7.3.1. Chuẩn bị xét xử vụ án dân sự

7.3.2. Hòa giải vụ án dân sự

7.3.3. Tạm đình chỉ và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

7.4. Phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự

7.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự

7.4.2. Những quy định chung về phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự

7.4.3. Thủ tục tiến hành phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự

7.4.4. Những việc tiến hành sau phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự

CHƯƠNG 8 THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ TẠI TÒA ÁN CẤP PHÚC THẨM

8.1. Khái niệm và ý nghĩa của xét xử phúc thẩm dân sự

8.1.1. Khái niệm phúc thẩm dân sự

8.1.2. Ý nghĩa của phúc thẩm dân sự

8.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.1. Khái niệm kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.2. Người có quyền kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.3. Đối tượng kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.4. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.5. Hình thức kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.6. Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

8.2.7. Thông báo về việc kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.8. Hậu quả của kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.9. Thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị và rút kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm

8.2.10. Gửi hồ sơ vụ án cho tòa án cấp phúc thẩm

8.3. Xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

8.3.1. Thủ lý vụ án dân sự để xét xử phúc thẩm

8.3.2. Hội đồng xét xử phúc thẩm

8.3.3. Chuẩn bị xét xử, tạm đình chỉ, đình chỉ xét xử phúc thẩm và quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời

8.3.4. Phạm vi xét xử phúc thẩm vụ án dân sự

8.3.5. Những người tham gia phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự

8.3.6. Hoãn phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự

8.3.7. Thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự

8.3.8. Quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm

8.3.9. Bản án phúc thẩm

8.4. Thủ tục phúc thẩm quyết định của tòa án cấp sơ thẩm và việc gửi bản án, quyết định phúc thẩm

8.4.1. Thủ tục phúc thẩm quyết định của tòa án cấp sơ thẩm

8.4.2. Gửi bản án, quyết định phúc thẩm

CHƯƠNG 9 THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

9.1. Thủ tục giám đốc thẩm

9.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của giám đốc thẩm dân sự

9.1.2. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

9.1.3. Xét xử giám đốc thẩm

9.2. Thủ tục tái thẩm

9.2.1. Khái niệm và ý nghĩa tái thẩm dân sự

9.2.2. Kháng nghị theo thủ tục tái thẩm dân sự

9.2.3. Xét xử tái thẩm

9.3. Thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

9.3.1. Cơ sở của thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

9.3.2. Yêu cầu, kiến nghị xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

9.3.3. Thẩm quyền và thủ tục đặc biệt xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

CHƯƠNG 10 THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

10.1. Những quy định chung về giải quyết việc dân sự

10.1.1. Nguyên tắc giải quyết việc dân sự

10.1.2. Thành phần giải quyết việc dân sự

10.1.3. Những người tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự

- 10.1.4. Thủ tục giải quyết việc dân sự
- 10.1.5. Quyết định giải quyết việc dân sự
- 10.1.6. Thủ tục phúc thẩm quyết định giải quyết việc dân sự
- 10.2. Thủ tục xác định năng lực hành vi dân sự của cá nhân
 - 10.2.1. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự
 - 10.2.2. Thủ tục hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự
- 10.3. Thủ tục giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt, tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết
 - 10.3.1. Thủ tục giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú
 - 10.3.2. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích
 - 10.3.3. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người là đã chết
 - 10.3.4. Thủ tục hủy bỏ quyết định tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết
- 10.4. Thủ tục yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu
 - 10.4.1. Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu
 - 10.4.2. Việc xét đơn yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu
- 10.5. Thủ tục giải quyết việc dân sự liên quan đến hoạt động của trọng tài thương mại
 - 10.5.1. Thủ tục chỉ định, thay đổi trọng tài viên
 - 10.5.2. Thủ tục áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời
 - 10.5.3. Thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định của hội đồng trọng tài về việc không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được
- 10.6. Thủ tục giải quyết các yêu cầu về hôn nhân và gia đình
 - 10.6.1. Thủ tục giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
 - 10.6.2. Thủ tục giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn
 - 10.6.3. Yêu cầu công nhận sự thỏa thuận về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn
 - 10.6.4. Yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc quyền thăm nom con sau khi ly hôn

10.6.5. Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

CHƯƠNG 11 THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

11.1. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài

11.1.1. Khái niệm thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài

11.1.2. Ý nghĩa của việc cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài

11.2. Tương trợ tư pháp trong tổ tụng dân sự

11.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của tương trợ tư pháp trong tổ tụng dân sự

11.2.2. Nguyên tắc tương trợ tư pháp trong tổ tụng dân sự

11.2.3. Ủy thác tư pháp trong tổ tụng dân sự

CHƯƠNG 12 XỬ LÝ CÁC HÀNH VI CẢN TRỞ HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG, KHIẾU NẠI VÀ TỔ CÁO TRONG TỔ TỤNG DÂN SỰ

12.1. Xử lý hành vi cản trở hoạt động tổ tụng dân sự

12.1.1. Hành vi cản trở hoạt động tổ tụng dân sự

12.1.2. Biện pháp xử lý hành vi cản trở hoạt động tổ tụng dân sự

12.2. Khiếu nại và tổ cáo trong tổ tụng dân sự

12.2.1. Khiếu nại trong tổ tụng dân sự

12.2.2. Tổ cáo trong tổ tụng dân sự

12.2.3. Trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tổ cáo trong tổ tụng dân sự

7. Hình thức giảng dạy và phân bổ thời gian

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Khác (*)
1	Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tổ tụng dân sự việt nam	3	3	0			

2	Thẩm quyền của tòa án nhân dân	3	3	0			
3	Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng dân sự	5	5	0			
4	Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự	3	3	0			
5	Biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng; thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu	4	4	0			
6	Án phí, lệ phí và chi phí tố tụng	4	4	0			
7	Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm	4	4	0			
8	Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp phúc thẩm	4	4	0			
9	Thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của tòa án đã có hiệu lực pháp luật	5	5	0			
10	Thủ tục giải quyết việc dân sự	5	5	0			
11	Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và tương trợ tư pháp trong tố	3	3	0			

	tụng dân sự						
12	Xử lý các hành vi cản trở hoạt động tố tụng, khiếu nại và tố cáo trong tố tụng dân sự	2	2	0			

(*) Các hình thức tổ chức học tập khác như ngoại khóa, ...

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Nội dung (các chương) của học phần

Chương	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15
1	x														x
2		x											x	x	x
3			x										x	x	x
4				x									x	x	x
5					x								x	x	x
6						x							x	x	x
7							x						x	x	x
8								x					x	x	x
9									x				x	x	x
10										x			x	x	x
11											x		x	x	x
12												x	x	x	x

8. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp thuyết trình, phương pháp động não, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp tổ chức các hoạt động, phương pháp xử lý tình huống, phương pháp làm việc nhóm...

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia đầy đủ số tiết học theo quy định (tối thiểu là 80% số giờ)
- Thái độ học tập nghiêm túc, chủ động trong việc thu thập tài liệu tham khảo. Đọc, phân tích và nhận xét các tài liệu khi học từng chương, mục.
- Làm bài bài kiểm tra đúng hạn và thỏa mãn các nội dung giảng viên yêu cầu.
- Để tiếp thu kiến thức của một tín chỉ sinh viên phải dành thời gian ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

10. Tài liệu phục vụ học phần

10.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. TS. Nguyễn Công Bình (chủ biên) (2012), *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam*, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Hà Thị Mai Hiền (2009), *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Ngọc Dũng (2005), *Hỏi – Đáp về bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản hướng dẫn thực hiện*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. TS. Lê Thị Thu Hà (2006), *Bình luận khoa học một số vấn đề của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn áp dụng*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

[4]. TS. Nguyễn Ngọc Khánh (biên dịch), TS. Trần Văn Trung (hiệu đính) (2005), *Bộ luật tố tụng dân sự Liên bang Nga*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

[5]. Ngọc Linh, *Tìm hiểu Bộ luật tố tụng dân sự*, Nxb Dân trí.

11. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 và thang điểm chữ theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Hình thức đánh giá	Trọng số
1	<i>Chuyên cần, thái độ</i> - Tham gia trên lớp - Chuẩn bị bài - Tích cực thảo luận	Quan sát, điểm danh.	5%
2	<i>Kiểm tra thường xuyên</i> Nội dung 1: Quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình. - Nội dung 2: Kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật. - Nội dung 3: Chấm dứt hôn nhân	- Bài kiểm tra viết - Bài tập - Thuyết trình báo cáo	35%

3	Thi kết thúc học phần	Viết hoặc vấn đáp	60%
---	-----------------------	-------------------	-----

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Hình thức đánh giá

Hình thức đánh giá	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15
Quan sát, điểm danh															x
Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x
Thuyết trình báo cáo	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x
Vấn đáp	x	x	x	x	x	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

PGS.TS Hoàng Dương Hùng

Th.S Phùng Thị Loan

Th.S Phan Thị Thu Hiền